TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2020
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Tuấn Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Thưởng
Ông Nguyễn Xuân Thành

***Thư ký phiên toà*:** Bà Đinh Kiều Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Triệu Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc*"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Kim N Sinh năm 1983
Địa chỉ: K9, xã X, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: Anh Lê Ngọc T Sinh năm 1989
Địa chỉ: KQ, xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.
(Chị N có mặt, anh T vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/02/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đinh Thị Kim N trình bày:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ vào ngày 03/3/2016. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống. Anh T không chịu làm ăn, thường xuyên đánh đập và chửi vợ con, không quan tâm đến gia đình. Do không chịu được cuộc sống chung nên 2 vợ chồng đã ly thân từ ngày 07/02/2019 đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm

đến nhau, tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị N đề nghị xử cho chị được ly hôn anh T.

1.2. Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 01 (một) con chung: Cháu gái tên là Lê Ngọc A, sinh ngày 07/12/2016. Hiện nay cháu A thì còn nhỏ và đang ở với chị. Khi ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị N không yêu cầu giải quyết.

2. Bị đơn anh Lê Ngọc T trong quá trình giải quyết vụ án đã được cấp, tống đạt, thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng vẫn vắng mặt. Việc anh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nên không có quan điểm của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn.

3. Tại biên bản xác minh ngày 04/5/2020 với đại diện UBND xã L và đại diện gia đình anh T là ông Lê Ngô T đã thể hiện: Thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các văn bản đã tống đạt cho anh T đúng quy định pháp luật (Trưởng khu nhận và cam kết thông báo, giao lại cho anh T), hiện nay anh T có biết việc chị N đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn, nuôi con chung. Nhưng việc anh T không đến Tòa án thì địa phương không biết được lý do. Ông T cho biết các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt cho anh T thì ông T sẽ không nhận. Anh T vẫn có hộ khẩu tại xã L, nhưng không thường xuyên có mặt tại gia đình. Về quan hệ hôn nhân thì chị N và anh T sống ly thân từ năm 2019. Đề nghị hòa giải để đoàn tụ vợ chồng, nếu không được thì đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về con chung thì vợ chồng anh chị có 01 con chung, khi ly hôn đề nghị giải quyết đảm bảo quyền lợi con chung.

Ngày 26/5/2020 chị N đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án. Tại phiên tòa thành phần Hội đồng xét xử đúng với quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân xét xử, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Tòa án đã lập thủ tục cấp, tống đạt, thông báo đầy đủ văn bản tố tụng và đúng quy định pháp luật.

Đề xuất hướng xử lý giải quyết vụ án: Chị N và anh T cưới có đăng ký kết hôn, là vợ chồng từ năm 2016. Trong quá trình chung sống hai bên hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài. Hai bên đã ly thân hơn 01 năm đến nay, hiện nay chị N có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh T.

Về con chung: Đề nghị áp dụng khoản 1,2 Điều 81,82 và 83 Luật hôn nhân gia đình, giao cháu Lê Ngọc A, sinh ngày 07/12/2016 cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với quan hệ về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí ly hôn, chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Chị Đinh Thị Kim N có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị xin ly hôn với anh Lê Ngọc T. Căn cứ khoản 1, Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Toà án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ đối với anh T: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định tại các Điều 171,172,173,174,175 và 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn tiếp tục vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 03/3/2016, chị Đinh Thị Kim N và anh Lê Ngọc T cưới, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được nhiều năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ năm 2019 đến nay anh, chị đã sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc nhau. Bên cạnh đó, Tòa án cũng đã có biên bản làm việc, xác minh với trưởng khu dân cư và đại diện UBND xã L (Bút lục số 25) đã thể hiện quan điểm chung là hòa giải đoàn tụ xong anh T không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Vậy cần giải quyết cho chị N được ly hôn anh T.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Lê Ngọc A, sinh ngày 07/12/2016. Hiện nay A vì còn nhỏ và đang ở với chị N. Khi ly hôn chị N xin được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là yêu cầu chính đáng và phù hợp với thực tế nên được chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp:* Tại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chị N không đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị N là nguyên đơn nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56,57,58, khoản 1,2 Điều 81,82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Đinh Thị Kim N được ly hôn anh Lê Ngọc T.

[2] *Về con chung:* Xác nhận anh chị có 01 (một) con chung là Lê Ngọc A, sinh ngày 07/12/2016. Khi ly hôn giao con chung cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp:* Chị N không yêu cầu giải quyết.

[4] *Án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị Đinh Thị Kim N phải chịu 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị N đã nộp 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2018/0001325 ngày 10/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Nay được chuyển thành án phí.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bán án được niêm yết nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuấn Anh